TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 127/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2019.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông: La Văn Việt.

Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 463/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: KV A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H, ông K xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24/4/2019 và những lời tiếp theo bà Trần Thị Kim H, trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức K chung sống với nhau vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng

quan điểm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà H khai quá trình chung sống bà và ông K có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại Th, sinh năm 2018; hiện con đang sống chung với bà. Khi ly hôn, Bà H xin được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Đức K xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai: ông xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ như Bà H trình bày là đúng. Nay Bà H xin ly hôn ông đồng ý. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao con chung cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do đương sự không có đăng ký kết hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự thông qua đơn khởi kiện và các bản tự khai, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*,

Bà Trần Thị Kim H xin ly hôn với ông Nguyễn Đức K. Ông K hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Đ, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Đức K đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Về hôn nhân*:

Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Đức K chung sống với nhau vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Hòa cũng có văn bản xác nhận về tình trạng hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H đã sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Đức K nhưng chưa đăng ký kết hôn.

Như vậy, việc Bà H và ông K chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H xin ly hôn với ông K, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông cũng đồng ý ly hôn nhưng do cả hai sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Tòa án phải áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên không công nhận Bà H và ông K là quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung:

Bà H và ông K thống nhất khai có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại Th, sinh năm 2018; hiện con đang sống chung với Bà H. Khi ly hôn, ông K cũng đồng ý giao con chung cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng; ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và được Bà H đồng ý.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3.] *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Nguyễn Đức K phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 222, 225, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 14, 15, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Đức K là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Đại Th, sinh ngày 11/7/2018.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Ông Nguyễn Đức K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004614 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

- Buộc ông Nguyễn Đức K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sung ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND TT Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức